

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ C P  
TỈNH Q N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2020/HS-ST  
Ngày: 20 - 11 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C P, TỈNH Q N**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà T T T .

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà M T V - Cán bộ nghỉ hưu.

2. Bà: P T T B - Phó Phòng Giáo dục thành phố C P .

- *Thư ký phiên tòa:* Bà V T L - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C P .

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên  
tòa:* Ông N V H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/11/2020 tại Hội tr- ờng xét xử Toà án nhân dân thành phố C P , tỉnh Q N, đ- a ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 196/2020/TLST-HS ngày 16/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2020/QĐXX-HS ngày 04/11/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **V N N** - Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

Sinh ngày 29/8/1984, tại thành phố C P , tỉnh Q N .

Nơi cư trú: Tổ 2, khu 2A, phường C T , thành phố C P , tỉnh Q N .

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông V V T , sinh năm 1949; Con bà N T M , sinh năm 1952.

Vợ: L T H , sinh năm 1988 (đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo đầu thú ngày 13/8/2020, tạm giữ đến ngày 21/8/2020 thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, sau đó bỏ trốn, bị bắt truy nã ngày 28/9/2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố C P . Có mặt.

2. Họ và tên: **P V T** - Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

Sinh ngày 24/02/2004, tại thành phố C P , tỉnh Q N .

Nơi cư trú: Tổ 1, khu 2A, phường C T , thành phố C P , tỉnh Q N .

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông P V T , sinh năm 1970; Con bà T T T , sinh năm 1976.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị bắt truy nã ngày 29/7/2020, tạm giữ đến ngày 07/8/2020 thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, sau đó bỏ trốn nên bị bắt truy nã ngày 30/9/2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố C P . Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo P V T : Ông Đ B Y - Luật sư trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q N .

**Bị hại:** N Q T , sinh năm 1975; Trú tại: Tổ 41, khu Đ T, phường C Đ , thành phố C P , tỉnh Q N . Vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. L N H , sinh năm 1971; Trú tại: Tổ 5, khu 3, phường M D , thành phố C P , tỉnh Q N . Vắng mặt.

2. T K C , sinh năm 1986; Trú tại: Tổ 7, khu 3, phường C T , thành phố C P , tỉnh Q N . Vắng mặt.

**Người làm chứng:** L T H , M A T , H V D . Vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 14/5/2020, V N N điều khiển xe mô tô Exciter biển số 14 U1- 449.88 chở P V T (sinh ngày 24/02/2004) đi đến khu vực 2/9 thuộc tổ 6, khu 5B, phường C T , thành phố C P thì thấy anh N Q T đang bị say rượu nằm gục dưới lòng đường, không biết gì, bên cạnh là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo LX, biển số 14T4-1150 chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen. Thấy vậy, N rủ T trộm cắp số tài sản này của anh T , T đồng ý. Sau đó N và T khiêng anh T lên vỉa hè, rồi N bảo T lấy điện thoại của anh T gọi điện cho người nhà anh T đến đón. T lấy điện thoại của anh T gọi điện cho chị L T H (vợ anh T ) thông báo địa điểm để chị H đến đưa anh T về. Một lúc sau, khi thấy có ánh đèn xe hướng nội thị C P đi đến, biết là người nhà anh T nên Ngọc điều khiển xe mô tô của N , N bảo thành điều khiển xe mô tô của anh T đi theo Ngọc về phía phường C T . Sau khi lấy được xe của anh T , Ngọc mở cốp xe của anh T kiểm tra thì thấy có 01 ví giả da màu đen bên trong có khoảng 300.000đồng và một số giấy tờ tùy thân khác của anh T , N đưa cho T 30.000đồng và chiếc điện thoại Nokia của anh T , còn chiếc xe mô tô Yamaha Nouvo LX, biển số 14T4-1150, Ngọc mang đến nhà anh H V D (bạn của N ở tổ 6, khu T L, phường C T , thành phố C P gửi rồi N và T đi về nhà.

Đến ngày 19/5/2020, N bảo T tìm người để bán chiếc xe đã trộm cắp của anh T , T đồng ý và nhờ bạn là M A T bán xe và nói là xe của ông chú nhờ bán, không có giấy tờ. T đồng ý và nhờ bạn là T K C nhờ tìm người để bán chiếc xe này. Sau đó, C đã thỏa thuận và bán chiếc xe Nouvo LX, biển số 14T4-1150 cho anh L N H với giá 5.000.000đồng. Tuy nhiên, C chỉ đưa lại cho T 4.400.000đồng, T nhận tiền và đưa lại cho T 2.000.000đồng, số tiền này T đưa lại cho N và được N cho 500.000đồng.

Ngày 24/5/2020 anh L N H đã tự giác giao nộp chiếc xe Nouvo LX, biển số 14T4-1150, P V T đã nộp lại chiếc điện thoại Nokia cho Công an phường M D . Ngày 15/8/2020, anh T K C đã nộp cho Cơ quan điều tra 500.000đồng tiền thu lợi trong việc bán chiếc xe mô tô.

Bản kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 11/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, kết luận: Chiếc xe Nouvo LX, biển kiểm soát 14T4-1150 trị giá 2.100.000đồng; Chiếc điện thoại di động Nokia 105 màu đen trị giá 20.000đồng.

Quá trình điều tra V N N và P V T khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan T K C , L N H đều khai phù hợp lời khai của V N N và P V T .

Người làm chứng chị L T H khai: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 14/5/2020 anh T chồng chị H gọi điện thoại nói là uống rượu say và đang ở km4 không tự về nhà được. Chị H đi tìm xung quanh phường C T , nhưng không thấy nên chị H đi về nhà. Sau đó chị H thấy số điện thoại của anh T gọi nhưng không phải là anh T mà là giọng của người thanh niên nói chị H đến đón anh T ở ngõ nhà nghỉ 2/9 đường Trần Phú, phường C T . Chị H đến gần chỗ anh T cách khoảng vài chục mét thì thấy ở phía trước có 2 thanh niên ngồi sẵn trên 2 chiếc xe máy. Khi thấy chị H đến 2 người đó điều khiển xe đi, chị H đưa anh T về nhà, khi anh T tỉnh lại phát hiện mất xe mô tô Nouvo LX, biển kiểm soát 14T4-1150, 01 điện thoại di động Nokia 105 và 01 ví bên trong có tiền và một số giấy tờ tùy thân của anh T .

Anh H V D khai: Khoảng tháng 5/2020 anh D đang ở nhà thì N và một thanh niên đi một xe mô tô đến nhà anh D , N nói “cho anh gửi cái xe này ở đây”, anh D đồng ý nên N dắt xe vào phòng bếp để rồi N và người thanh niên đi về. Khoảng 4 đến 5 ngày sau N đến nhà anh D và lấy xe đi, anh D không biết nguồn gốc chiếc xe và không hỏi N chiếc xe trên là của ai.

Anh M A T khai về việc ngày 19/5/2020 T nhờ anh T bán hộ xe mô tô Nouvo LX, biển kiểm soát 14T4-1150, sau đó anh T nhờ anh C bán hộ xe, phù hợp lời khai của bị cáo T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T K C .

Bản cáo trạng số 192/CT-VKSCP ngày 16/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C P , đã truy tố V N N , P V T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C P giữ nguyên quan điểm truy tố, căn cứ tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị xử phạt V N N từ 09 tháng đến 12 tháng tù, được trừ thời gian đã bị tạm giữ ngày 13/8 đến ngày 21/8/2020 ; P V T từ 04 tháng đến 06 tháng tù, được trừ thời gian đã bị tạm giữ ngày 29/7 đến ngày 7/8/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo P V T có quan điểm: Hành vi của P V T bị truy tố, xét xử theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét T chưa có tiền án tiền sự, phạm tội khi tuổi chưa thành niên, bị hại xin giảm hình phạt cho T , hiện nay điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt 03 tháng tù.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 14/5/2020, tại tổ 6, khu 5B, phường C T, thành phố C P, tỉnh Q N, lợi dụng anh N Q T bị say rượu không biết gì, V N N và P V T đã có hành vi lấy trộm 01 xe mô tô Nouvo LX, biển kiểm soát 14T4-1150 trị giá 2.100.000đồng, 01 điện thoại di động Nokia 105 trị giá 20.000đồng và 01 ví giả da bên trong có 300.000đồng. Tổng trị giá tài sản là 2.420.000đồng.

[3] Hành vi nêu trên của V N N và P V T đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, nh- Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố nên chấp nhận lời luận tội của Kiểm sát viên đối với các bị cáo.

Hành vi của V N N và P V T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương. Sau khi bị bắt, trong quá trình điều tra các bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, nhưng các bị cáo không chấp hành gây khó khăn cho Cơ quan điều tra, do đó cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: V N N và P V T thực hiện hành vi với tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo N là người khởi xướng, chỉ đạo lấy trộm và bán xe mô tô của bị hại nên N có vai trò đầu vụ. Bị cáo T thực hiện hành vi giúp sức theo sự phân công của N nên có vai trò sau.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: V N N là người chỉ đạo P V T thực hiện hành vi phạm tội khi T đang là người dưới 18 tuổi nên Ngọc phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm 0 khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, V N N và P V T đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị hại đề nghị giảm hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra cũng xét bị cáo N sau khi phạm tội đã đầu thú nên N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập nên không phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về dân sự: Bị hại anh N Q T đã nhận xe mô tô và điện thoại di động, còn ví giả da và một số giấy tờ tùy thân không thu hồi được, số tiền 300.000đồng các bị cáo chưa bồi thường, nhưng anh T không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Anh T K C bán hộ bị cáo T chiếc xe mô tô NouvoLX, biển kiểm soát 14T4-1150 cho anh L N H với giá 5.000.000đồng, nhưng anh H không yêu cầu anh C phải trả lại số tiền trên, do đó không xem xét.

[8] Về vật chứng: Sau khi trộm cắp chiếc xe mô tô NouvoLX, biển kiểm soát 14T4-1150, bán được 2.000.000đồng và số tiền 300.000đồng trong ví giả da của bị hại, bị cáo N đã cho bị cáo T 530.000đồng, số còn lại 1.770.000đồng N sử dụng cho cá nhân. Do các bị cáo đã chi tiêu hết, vì vậy cần truy thu 1.770.000đồng của Ngọc và 530.000đồng của T để sung vào ngân sách nhà nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T K C đã nộp Cơ quan điều tra 500.000đồng. Đây là số tiền anh C có được từ việc anh T nhờ bán hộ xe mô tô NouvoLX 14T4-1150, do anh C không chiếc xe này là do N và T phạm tội mà có nên trả lại cho anh C 500.000đồng.

[9] Đối với các anh H V D, M A T, T K C, L N H là những người cất giữ, tiêu thụ xe mô tô Nouvo LX, biển kiểm soát 14T4-1150 nhưng các anh đều không biết nguồn gốc chiếc xe trên là do N và T trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 14 U1- 449.88, Ngọc sử dụng khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nhưng N đã bán đi sau đó, quá trình điều tra không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

[10] Về án phí: V N N và P V T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự:

**Tuyên bố:** V N N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 91; Khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự:

**Tuyên bố:** P V T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: V N N 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/9/2020, được trừ thời gian bị tạm giữ ngày 13/8/2020 đến ngày 21/8/2020.

Xử phạt: P V T 04 (Bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/9/2020, được trừ thời gian bị tạm giữ ngày 29/7/2020 đến ngày 07/8/2020 .

**Về vật chứng:** Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho anh T K C 500.000đồng.

(Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 22/BB-THA ngày 02/11/2020 giữa Công an thành phố C P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C P ).

Truy thu 1.770.000đồng của V N N và 530.000đồng của P V T để nộp ngân sách nhà nước.

**Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án: V N N và P V T , mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng.

**Về quyền kháng cáo:** Căn cứ các khoản 1,4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: V N N và P V T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 20/11/2020.

Bị hại N Q T , vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan L N H , T K C , vắng mặt, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND thành phố C P ;
- VKSND tỉnh Q N ;
- TAND tỉnh Q N ;
- Cơ quan CSĐT Công an tp. C P ;
- Cơ quan THAHS Công an tp. C P ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Q N ;
- Chi cục THADS thành phố C P ;
- Lưu hồ sơ vụ án; Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**T T T**











